

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2025/DS-ST
Ngày: 16-01-2025
V/v Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản, hợp đồng thế chấp
quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Đông Hòa

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Văn Sơn

Ông Liêu Văn Lộc

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Hiếu là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Mỹ Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 158/2024/TLST-DS ngày 14 tháng 10 năm 2024 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, hợp đồng thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất*” theo Quyết định Đưa vụ án ra xét xử số 341/2024/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần L P V N

Địa chỉ: Tầng 1,2,3,4,5,6, tòa nhà T T, Số 210, đường T Q K, phường T T, quận H K, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông H N T, sinh ngày 15-7-1971

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông T Q C (vắng mặt)

Chức vụ: Phó Giám đốc – Chi nhánh A G.

Địa chỉ: Số 1100, đường T H Đ, phường M B, thành phố L X, tỉnh An Giang.

Theo Giấy ủy quyền ngày 09-9-2024.

2. Bị đơn: Bà V T C G, sinh ngày 11-9-1991 (vắng mặt)
Nơi cư trú: Tổ 20, ấp A H, xã A H, huyện C T, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, Tờ tự khai ngày 09-9-2024, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông M Đ M đã trình bày; quá trình tố tụng và tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 15-01-2025 người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông T Q C trình bày:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần L P V N (LPBank) và bà V T C G có ký kết các hợp đồng như sau:

1/ Hợp đồng tín dụng số HDTĐ102022550 ngày 31-5-2022 có nội dung:

Số tiền vay: 650.000.000 đồng

Thời hạn vay: Số tiền vay 600.000.000 đồng thời hạn vay là 420 tháng, Số tiền vay 50.000.000 đồng thời hạn vay là 60 tháng

Mục đích vay: Hoàn vốn tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

Lãi suất cho vay: 7,7%/năm.

Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn đã thỏa thuận

Lãi suất chậm trả lãi: 10%/năm

Kỳ hạn trả nợ gốc: Theo định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 30; Số tiền vay 600.000.000 đồng, số tiền phải trả là 1.430.000 đồng; Số tiền vay 50.000.000 đồng, số tiền phải trả là 835.000 đồng

Kỳ hạn trả nợ lãi: Theo định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 30 theo dư nợ thực tế.

Ngân hàng giải ngân cho bên vay theo phương thức nhận tiền mặt.

2/ Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số HDBD9102022550 ngày 31-5-2022. Tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành Số CS 234869, số vào sổ cấp GCN: CS05743 do Sở Tài nguyên và môi trường A G cấp ngày 26-6-2019 đứng tên ông T H D; ngày 25-5-2022 đã chuyển nhượng cho bà V T C G theo hồ sơ số 002994.CN.001. Thửa đất số 96, tờ bản đồ số 5, diện tích: 73,7m², mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị; đất tọa lạc: Thị trấn A C, huyện C T, tỉnh A G. Được Phòng Công chứng N T Q, tỉnh A G công chứng vào ngày 01-6-2022, số công chứng 3024, Quyền số 01/2022 TP/CC-SCC/HĐGD. Đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn Phòng Đăng ký Đất đai chi nhánh C T, tỉnh An Giang ngày 01-6-2022.

Quá trình thực hiện hợp đồng bà G đã vi phạm Điều 7 và Điều 8 của hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Tính đến ngày 16-01-2025, bà G còn nợ Ngân hàng Thương mại Cổ phần L P V N như sau:

Nợ gốc: 597.893.698 đồng

Nợ lãi quá hạn: 56.040.671 đồng

Nợ lãi chậm trả gốc: 1.233.583 đồng

Nợ lãi chậm trả lãi: 1.772.748 đồng

Tổng cộng là 656.940.700 đồng

Nay Ngân hàng Thương mại Cổ phần L P V N yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xem xét:

1/ Buộc bà V T C G có nghĩa vụ trả lại Ngân hàng Thương mại Cổ phần L P V N tổng nợ gốc và lãi là 656.940.700 đồng (tạm tính đến ngày 16-01-2025).

2/ Buộc bà V T C G phải thanh toán phần tiền lãi phát sinh đối với số nợ còn lại theo Hợp đồng tín dụng số HDTĐ102022550 ngày 31-5-2022; Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 9102022550/001 ngày 01-6-2022 và Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 9102022550/002 ngày 01-6-2022 cho đến khi tất toán khoản nợ vay.

3/ Tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số HDBD9102022550 ngày 31-5-2022 để đảm bảo cho việc thi hành án.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 13-11-2024, bị đơn bà V T C G trình bày: Bà có ký hợp đồng tín dụng số HDTĐ102022550 ngày 31-5-2022 vay vốn với Ngân hàng Thương mại Cổ phần L P V N, vay số tiền 650.000.000 đồng, thế chấp quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành Số CS 234869, số vào sổ cấp GCN: CS05743 do Sở Tài nguyên và môi trường An Giang cấp ngày 26-6-2019 đứng tên ông T H D; ngày 25-5-2022 đã chuyển nhượng cho bà V T C G theo hồ sơ số 002994.CN.001. Thửa đất số 96, tờ bản đồ số 5, diện tích: 73,7m², mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị; đất tọa lạc: Thị trấn A C, huyện C T, tỉnh An Giang.

Nay trước yêu cầu khởi kiện của ngân hàng bà xác định còn nợ ngân hàng, nhưng không có khả năng thanh toán, bà yêu cầu ngân hàng phát mãi tài sản.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang phát biểu quan điểm như sau:

1/Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng được pháp luật quy định tại Bộ Luật Tố tụng Dân sự.

2/Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;

Buộc bà G trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần L P V N số tiền còn nợ theo Hợp đồng số HDTĐ102022550 ngày 31-5-2022;

Buộc bà G phải thanh toán phần tiền lãi phát sinh đối với số nợ còn lại theo Hợp đồng số HDTĐ102022550 ngày 31-5-2022 cho đến khi tất toán khoản nợ vay;

Tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số HDBD9102022550 ngày 31-5-2022 để đảm bảo cho việc thi hành án;

Bị đơn phải chịu án phí, chi phí tố tụng theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Đối với người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông C, bị đơn bà G, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và

Quyết định hoãn phiên tòa; người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông C có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn bà G vắng mặt lần 2 không có lý do. Căn cứ Điểm a, b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt theo thủ tục chung.

[2] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thời hiệu khởi kiện:* Căn cứ vào đơn khởi kiện, căn cứ Điều 463, Điều 317, Điều 429 của Bộ Luật Dân sự năm 2015; Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 184 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự, thì vụ án có quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng dân sự mà cụ thể là tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất; thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang và còn trong thời hiệu khởi kiện.

[3] *Về nội dung giải quyết yêu cầu của đương sự:* Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có cơ sở kết luận như sau:

Vào ngày 31-5-2022, giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần L P V N – Chi nhánh A G (LPBank) và bà V T C G có xác lập hợp đồng tín dụng số HDTĐ102022550 với số tiền vay: 650.000.000 đồng; thời hạn vay: Số tiền vay 600.000.000 đồng thời hạn vay là 420 tháng, số tiền vay 50.000.000 đồng thời hạn vay là 60 tháng; lãi suất cho vay trong hạn: 7,7%/năm; lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn; lãi suất chậm trả lãi: 10%/năm; mục đích vay: Hoàn vốn tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất; Phương thức trả nợ: Vốn và lãi trả hàng tháng vào ngày 30.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà G không thực hiện việc trả nợ vay và trả lãi đầy đủ theo hợp đồng đã ký dẫn đến phát sinh tranh chấp.

Xét Hợp đồng tín dụng số HDTĐ102022550 ngày 31-5-2022. Căn cứ Điều 463 của Bộ Luật Dân sự năm 2015; Điều 17 của Quy chế cho vay của Tổ chức Tín dụng đối với khách hàng, ban hành kèm theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31-12-2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước; thì hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn với bị đơn đã tuân thủ các quy định của pháp luật về hình thức, chủ thể, nội dung; không trái đạo đức xã hội. Do đó, hợp đồng vay tài sản trên có hiệu lực pháp luật.

Xét Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số HDBD9102022550 ngày 31-5-2022. Căn cứ Các Điều 317, 319, 500, 501 và 502 của Bộ Luật Dân sự năm 2015; Điều 167 và Điều 179 của Luật Đất đai năm 2013; Điểm a khoản 1 Điều 3 của Nghị định số 83/2010/NĐ-CP ngày 23-7-2010 của Chính phủ về đăng ký giao dịch bảo đảm; thì hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất giữa nguyên đơn với bị đơn đã tuân thủ các quy định của pháp luật về hình thức, chủ thể, nội dung; không trái đạo đức xã hội; Do đó hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất trên có hiệu lực pháp luật.

[3.1] *Xét yêu cầu của nguyên đơn:*

[3.1.1] *Đối với việc trả nợ gốc và lãi:* Do hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn với bị đơn có hiệu lực pháp luật và đây là hợp đồng vay có kỳ hạn, nguyên đơn đã giao đủ tiền, khi đến hạn thanh toán, bị đơn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Nay nguyên đơn có yêu cầu nhận lại vốn vay là 597.893.698 đồng, tiền lãi quá hạn là 56.040.671 đồng, tiền lãi chậm trả gốc là 1.233.583 đồng, tiền lãi chậm trả lãi là 1.772.748 đồng, tổng cộng là 656.940.700 đồng, tính đến ngày 16-01-2025.

Xét quan hệ tranh chấp trên, bị đơn là người có lỗi đã không thực hiện đúng nghĩa vụ của mình là thực hiện việc đóng lãi cũng như trả lại vốn vay theo thỏa thuận khi đến hạn. Việc vi phạm này ít nhiều làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Căn cứ Các Điều 463, 466, 468 và 470 của Bộ Luật Dân sự năm 2015; Các Điều 91, 94 và 95 của Luật Các Tổ chức Tín dụng năm 2010; Thông tư liên tịch số 01/1997/TTLT-BTP-BTC-TANDTC-VKSNDTC ngày 19-6-1997; Thông tư số 20/2012/TT-NHNN ngày 08-6-2012 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước; Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31-12-2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước; thì yêu cầu của nguyên đơn được nhận lại vốn vay và tiền lãi bị đơn còn nợ là có cơ sở, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.1.2] *Đối với yêu cầu tiếp tục tính lãi theo hợp đồng:* Do hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn với bị đơn có hiệu lực pháp luật và đây là hợp đồng tín dụng dài hạn. Nguyên đơn và bị đơn đã thỏa thuận lãi suất, bị đơn đã không trả vốn vay và tiền lãi đúng kỳ hạn theo thỏa thuận hợp đồng. Căn cứ Điều 468 và Điều 470 của Bộ Luật Dân sự năm 2015; Thông tư liên tịch số 01/1997/TTLT-BTP-BTC-TANDTC-VKSNDTC ngày 19-6-1997; Thông tư số 20/2012/TT-NHNN ngày 08-6-2012 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước; Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31-12-2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước; thì yêu cầu của nguyên đơn được tính lãi theo hợp đồng là phù hợp với quy định của pháp luật; Do đó được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.1.3] *Đối với việc yêu cầu tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để đảm bảo cho việc thi hành án:*

Do Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số HDBD9102022550 ngày 31-5-2022 có hiệu lực pháp luật. Căn cứ Các Điều 317, 318, 319, 320, 321, 322 và 323 của Bộ Luật Dân sự năm 2015; thì yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] *Đối với bị đơn bà V T C G trình bày:* Yêu cầu ngân hàng phát mãi tài sản để thu hồi nợ. Quá trình tố tụng Tòa án đã hòa giải tạo điều kiện cho bà G trả nợ ngân hàng. Tuy nhiên, bà G không tham gia hòa giải và cũng thực hiện việc trả lãi; việc bà yêu cầu phát mãi tài sản sẽ được giải quyết trong giai đoạn thi hành án.

[4] *Về chi phí tố tụng:* Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 500.000 đồng người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông C nộp theo Biên bản quyết toán

ngày 16-12-2024. Căn cứ khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158 của Bộ Luật tố tụng dân sự thì bà Giang phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Do đó, buộc bà G phải trả lại Ngân hàng Thương mại Cổ phần L P V N 500.000 đồng.

[5] *Về án phí*: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Do buộc bị đơn có nghĩa vụ trả lại nguyên đơn số tiền 656.940.700 đồng nên bị đơn phải chịu 30.278.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[6] *Về quyền kháng cáo*: Căn cứ Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 3 Điều 26, Điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158, khoản 1 Điều 184, Điểm a, b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228, Các Điều 266, 271 và 273 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự;

Các Điều 317, 318, 319, 320, 321, 322, 323, 429; 463, 464, 465, 466, 467, 468, 470, 500, 501, 502 và Điểm d khoản 1 Điều 688 của Bộ Luật Dân sự năm 2015;

Điều 167 và Điều 179 của Luật Đất đai năm 2013;

Các Điều 91, 94 và 95 của Luật Các Tổ chức Tín dụng năm 2010,

Xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần L P V N (LPBank).

[2] Buộc bà V T C G phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần L P V N (LPBank) vốn vay và tiền lãi còn nợ là 656.940.700đ (sáu trăm năm mươi sáu triệu chín trăm bốn mươi ngàn bảy trăm đồng), tính đến ngày 16-01-2025.

[3] kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm 16-01-2025, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng

cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay (Hợp đồng tín dụng số HDTĐ102022550 ngày 31-5-2022).

[4] Trong trường hợp bà V T C G không trả nợ hoặc trả không đủ số tiền còn nợ của Hợp đồng tín dụng số HDTĐ102022550 ngày 31-5-2022, thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần L P V N (LPBank) có quyền yêu cầu Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xử lý tài sản bảo đảm của bà V T C G theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số HDBD9102022550 ngày 31-5-2022 để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật đối với: Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành Số CS 234869, số vào sổ cấp GCN: CS05743 do Sở Tài nguyên và môi trường An Giang cấp ngày 26-6-2019 đứng tên ông T H D; ngày 25-5-2022 đã chuyển nhượng cho bà V T C G theo hồ sơ số 002994.CN.001. Thửa đất số 96, tờ bản đồ số 5, diện tích: 73,7m², mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị; đất tọa lạc: Thị trấn A C, huyện C T, tỉnh An Giang; để đảm bảo cho việc thi hành án.

[5] Khi bà V T C G thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ mà không phải phát mãi tài sản, thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần L P V N (LPBank) có nghĩa vụ làm thủ tục giải chấp trả lại tài sản thế chấp cho bà G.

[6] *Về án phí:*

Ngân hàng Thương mại Cổ phần L P V N (LPBank) được nhận lại 14.540.000đ (mười bốn triệu năm trăm bốn mươi ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004959 ngày 14-10-2024 của Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

Bà V T C G phải chịu 30.278.000đ (ba mươi triệu hai trăm bảy mươi tám ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

[7] *Về quyền kháng cáo:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần L P V N (LPBank), bà V T C G vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

-Các đương sự (để thi hành);
-Viện Kiểm sát nhân dân
huyện Châu Thành;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lý Đông Hoà

-Chi Cục Thi hành án Dân sự
huyện Châu Thành;
-Phòng Kiểm tra Nghiệp vụ -
Thi hành án, Tòa án nhân
dân tỉnh An Giang;
-Lưu hồ sơ vụ án.